

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HS-ST.
Ngày 24/01/2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội Thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Hòa.

Ông Nguyễn Hoàng Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hà, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Quốc, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2018/TLST- HS, ngày 29 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST- HS, ngày 09 tháng 01 năm 2019 đối với:

Bị cáo Nguyễn Văn P, sinh ngày 21 tháng 7 năm 1997, tại tỉnh Bến Tre. Nơi cư trú: Số 238/3, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1977. Anh chị em ruột 03 người (kể cả bị cáo), lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2012.

Tiền án: 02 lần.

- Ngày 17/3/2016 Nguyễn Văn P bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Ngày 23/5/2016 Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm y án sơ thẩm về tội danh và hình phạt.

- Ngày 04/5/2017 Nguyễn Văn P bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Bị cáo chấp hành tại Trại giam B, ngày 20/02/2018 Nguyễn Văn P chấp hành xong hình phạt.

Tiền sự: Không; nhân thân: Có tiền án. Bị cáo bị tạm giữ ngày 27/9/2018, ngày 30/9/2018 chuyển tạm giam đến nay, bị cáo có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Phạm Thị Thiên P là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh, có mặt.

Bị hại:

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962. Vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Anh Nguyễn Trung N, sinh năm 2001. Vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Anh Thái Văn Tuấn A, sinh năm 2001. Vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Em Trương Thị Ngọc L, sinh năm 2005. Người giám hộ cho em L có bà Khiêu Thị S, sinh năm 1943. Vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khóm 2, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Chị Lâm Thị Mỹ P, sinh năm 1981. Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1996. Vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1980. Vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khóm 4, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1979. Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ 00 phút ngày 24/9/2018 bị cáo Nguyễn Văn P nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản là điện thoại di động để bán lấy tiền tiêu xài, bị cáo đi bộ một mình đến nhà của bà Khiêu Thị S, ngụ khóm 2, thị trấn M, quan sát thấy trong nhà đã tắt đèn chiếu sáng, chỉ còn mở đèn ngủ, bị cáo nghĩ mọi người trong nhà đã ngủ hết nên bị cáo đi đến cửa nhà trước (*loại cửa lá sách có 04 cánh chỉ cài bốn chốt cửa bên trong*) bị cáo dùng hai bàn tay đưa vào khe hở giữa mép dưới của cánh cửa bên phải (*hướng từ ngoài vào*) tiếp giáp với nền nhà và dùng các ngón tay kéo hai chốt cửa lên khỏi lỗ cài rồi mở cánh cửa đi vào bên trong nhìn qua ánh sáng đèn ngủ bị cáo thấy có một điện thoại di động nhãn hiệu OPPO-A71(số sim 01283.189.793) của em Trương Thị Ngọc L đang sạc pin trên kệ bàn học sinh cặp với bức tường tiếp giáp với nhà dưới, bị cáo lấy điện thoại rồi tẩu thoát. Sau khi trộm được điện thoại bị cáo rút thẻ sim ném bỏ, còn điện thoại bị cáo để sử dụng. Ngày 27/9/2018 Cơ quan CSĐT Công an huyện C mời bị cáo làm việc, tại Cơ quan Công an bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản và giao nộp tài sản cho Cơ quan điều tra quản lý. Cơ quan điều tra đã trả lại điện thoại cho bị hại, thẻ sim đã bị mất không thu hồi được.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 18/KL.HĐĐG ngày 28/9/2018 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện C, kết luận 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO-A71 màu vàng trắng, kiểu máy CPH1801, trị giá 1.794.000 đồng.

Bị cáo lấy trộm tài sản chưa đủ định lượng nhưng bị cáo đã có 02 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa xóa án tích mà tiếp tục tái phạm. Ngày 30/9/2018 Cơ quan CSĐT Công an huyện C ra quyết định khởi tố vụ án Trộm cắp tài sản, khởi tố bị cáo để điều tra.

Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Văn P khai nhận với thủ đoạn như trên bị cáo đã thực hiện thêm 03 vụ trộm cắp tài sản ở địa bàn thị trấn M. Do giá trị tài sản thiệt hại đủ định lượng cấu thành tội trộm cắp tài sản, ngày 20/11/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự và ra quyết định nhập vụ án hình sự để điều tra theo quy định của pháp luật.

Vụ thứ 1: Vào khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 13/8/2018 bị cáo Nguyễn Văn P đi bộ đến nhà của anh Nguyễn Văn T, ngụ xóm 2, thị trấn M, lấy trộm 01 điện thoại nhãn hiệu Sam Sung Galaxy J7 Prime màu xanh (số sim 0915.765.504) của em Nguyễn Trung N và 01 điện thoại nhãn hiệu I Phone 4 màu trắng (số sim 01633.911.857) của em Thái Văn Tuấn A (cả hai bị hại là người làm thuê cho anh T).

Sau khi trộm được 02 chiếc điện thoại di động bị cáo bán cho anh Nguyễn Quốc T 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Sam Sung Galaxy J7 Prime với số tiền là 1.500.000 đồng để sử dụng, còn chiếc điện thoại nhãn hiệu I Phone 4 màu trắng bị rạn nứt màn hình bị cáo cho anh Nguyễn Văn S để sử dụng, do không sử dụng được nên anh S đã cho lại anh Nguyễn Ngọc C, anh C đã đánh rơi mất do đó cơ quan điều tra không thu hồi được, còn điện thoại nhãn hiệu Sam Sung Galaxy J7 Prime anh T mua để sử dụng, Cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ và thu hồi tài sản trả lại cho bị hại, riêng thẻ sim bị mất không thu hồi được.

Căn cứ vào kết luận định giá tài sản số 20/KL.HĐĐG ngày 05/11/2018 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện C, kết luận 01 điện thoại nhãn hiệu Sam Sung Galaxy J7 Prime màu xanh trị giá 3.992.000 đồng; 01 điện thoại nhãn hiệu I Phone 4 thường màu trắng trị giá 700.000 đồng.

Vụ thứ 2: Vào khoảng 23 giờ, ngày 15/8/2018 bị cáo Nguyễn Văn P đi bộ đến nhà của chị Lâm Thị Mỹ P, ngụ xóm 4, thị trấn M, lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu I Phone 6 màu vàng gold (số sim 01288840880), sau khi trộm được chiếc điện thoại di động của chị P bị cáo rút thẻ sim ném bỏ và đem bán chiếc điện thoại cho Nguyễn Văn Đ với số tiền là 200.000 đồng. Sau khi mua điện thoại anh Đ không sử dụng được do bị khóa mật khẩu màn hình nên đã ném bỏ, Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Căn cứ vào kết luận định giá tài sản số 21/KL.HĐĐG ngày 05/11/2018 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện C, kết luận 01 điện thoại nhãn hiệu I Phone 6 màu vàng gold, trị giá 3.500.000 đồng.

Vụ thứ 3: Vào khoảng 21 giờ, ngày 23/9/2018 bị cáo Nguyễn Văn P đi bộ đến nhà của anh Nguyễn Văn T, ngụ khóm 2, thị trấn M, lấy trộm 01 máy tính bảng nhãn hiệu Sam Sung Galaxy Tab 3V T116 White màu trắng (số sim 01289.680.287). Sau khi trộm được máy tính bảng bị cáo rút thẻ sim ném bỏ và bán máy tính bảng cho Nguyễn Thị N, với số tiền 500.000 đồng. Sau đó chị N đã cho máy tính bảng này cho Lê Nguyễn Yên K, ngụ tại thành phố Hồ Chí Minh, do không rõ địa chỉ cụ thể nên không xác minh được và không thu hồi được tài sản.

Căn cứ vào kết luận định giá tài sản số 22/KL.HĐĐG ngày 05/11/2018 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện C, kết luận 01 máy tính bảng nhãn hiệu Sam Sung Galaxy Tab 3V T116 White màu trắng, trị giá 800.000 đồng.

Ngày 19/10/2018 Cơ quan CSĐT Công an huyện C tiến hành thực nghiệm điều tra. Kết quả thực nghiệm tại hiện trường phù hợp với lời khai của bị cáo, lời khai của người bị hại và diễn biến sự việc phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại em Trương Thị Ngọc L và bà Khiêu Thị S là người giám hộ của bị hại đã nhận lại được tài sản là điện thoại di động nhãn hiệu OPPO-A71, thẻ sim bị mất em L và bà S không yêu cầu bị cáo bồi thường.

- Bị hại anh Nguyễn Trung N đã nhận lại được điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy J7 Prime màu xanh, thẻ sim bị mất không yêu cầu bị cáo bồi thường.

- Bị hại anh Thái Văn Tuấn A bị thiệt hại 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu I Phone 4 màu trắng, yêu cầu bị cáo bồi thường theo kết luận định giá là 700.000 đồng, phần thẻ sim bị mất không yêu cầu bị cáo bồi thường.

- Bị hại chị Lâm Thị Mỹ P bị thiệt hại 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu I Phone 6 màu vàng gold, yêu cầu bị cáo bồi thường theo kết luận định giá là 3.500.000 đồng, phần thẻ sim bị mất không yêu cầu bị cáo bồi thường.

- Bị hại ông Nguyễn Văn T bị thiệt hại 01 chiếc máy tính bảng nhãn hiệu Sam Sung Galaxy Tab 3V T116, yêu cầu bị cáo bồi thường theo kết luận định giá là 800.000 đồng, phần thẻ sim bị mất không yêu cầu bị cáo bồi thường.

- Anh Nguyễn Quốc T đã mua điện thoại di động nhãn Sam Sung Galaxy J7 Prime màu xanh với số tiền là 1.500.000 đồng, không biết tài sản do trộm cắp mà có được, nên yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 1.500.000 đồng.

Đối với Nguyễn Quốc T, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn S và Nguyễn Thị N đã mua điện thoại di động và máy tính bảng của bị cáo nhưng không biết tài sản trên là do bị cáo trộm cắp mà có. Do đó không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Ngoài ra vào khoảng thời gian từ tháng 6 đến tháng 7 năm 2018 Nguyễn Văn P còn thực hiện thêm 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện N, tỉnh Cà Mau. Ngày 06/11/2018 bị Cơ quan CSĐT Công an huyện N, tỉnh Cà Mau khởi tố vụ án Trộm cắp tài sản, khởi tố bị can Nguyễn Văn P về tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, hiện đang điều tra.

Tại bản Cáo trạng số: 33/VKS-HS, ngày 28/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh, đã quyết định truy tố bị can Nguyễn Văn P về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn P khai nhận: Vào các ngày 13, ngày 15/8/2018; ngày 23, ngày 24/9/2018 tại khóm 2, khóm 4, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh bị cáo đã thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản chiếm đoạt gồm : 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO-A71 màu vàng trắng, kiểu máy CPH1801, trị giá 1.794.000 đồng; 01 điện thoại nhãn hiệu Sam Sung Galaxy J7 Prime màu xanh trị giá 3.992.000 đồng; 01 điện thoại nhãn hiệu I Phone 4 thường màu trắng trị giá 700.000 đồng; 01 điện thoại nhãn hiệu I Phone 6 màu vàng gold, trị giá 3.500.000 đồng; 01 máy tính bảng nhãn hiệu Sam Sung Galaxy Tab 3V T116 White màu trắng, trị giá là 800.000 đồng. Tổng tài sản bị cáo chiếm đoạt là 10.786.000 đồng.

Các biên bản ghi lời khai, các biên bản hỏi cung bị cáo khai là tự nguyện, đúng sự thật, không ai ép buộc, bị cáo thống nhất nội dung bản cáo trạng, không có ý kiến bổ sung hay khiếu nại gì về nội dung bản cáo trạng, mà hoàn toàn thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa bị hại chị Lâm Thị Mỹ P trình bày: Vào khoảng 23 giờ, ngày 15/8/2018 chị để điện thoại di động nhãn hiệu I Phone 6 màu vàng gold (số sim 01288840880 trên đầu tủ lạnh để sạc pin, sáng ngày 16/8/2018 thì phát hiện điện thoại bị mất, chị trình báo Công an để xử lý. Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận trộm cắp điện thoại của chị, nay chị yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại 01 điện thoại nhãn hiệu I Phone 6 màu vàng gold theo kết luận định giá là 3.500.000 đồng, phần thẻ sim bị mất chị không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên ông Đặng Văn Quốc đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”, áp dụng khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 53, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 04 năm đến 05 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường thiệt hại tài sản cho anh Thái Văn Tuấn A 700.000 đồng, chị Lâm Thị Mỹ P 3.500.000 đồng, ông Nguyễn Văn T 800.000 đồng, anh Nguyễn Quốc T 1.500.000 đồng.

Về án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

Trợ giúp viên pháp lý bà Phạm Thị Thiên P bào chữa cho bị cáo phát biểu ý kiến: Kháng định bản Cáo trạng số: 33/CT-VKSCN, ngày 28/11/2018 của Viện kiểm sát huyện C truy tố bị cáo Nguyễn Văn P về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng. Trợ giúp viên pháp lý không bào chữa về tội danh và khung hình phạt mà chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo thật thà khai báo, ăn

năn hối cải hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tự thú về hành vi phạm tội được quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra.

Về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo bồi thường thiệt hại tài sản cho bị hại theo quy định pháp luật. Bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên được miễn nộp án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn P nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Trung N, anh Thái Văn Tuấn A, em Trương Thị Ngọc L, chị Lâm Thị Mỹ P, bị cáo ăn năn, hối hận, bị cáo thấy mình có lỗi, có tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Tính hợp pháp của các hành vi và quyết định tố tụng:

Về hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, Trợ giúp viên pháp lý không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Những chứng cứ xác định bị cáo có tội: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn P khai nhận vào các ngày 13/8/2018; ngày 15/8/2018; ngày 23/9/2018 và ngày 24/9/2018 tại khóm 2, khóm 4, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh bị cáo đã thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản chiếm đoạt gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO-A71 màu vàng trắng, kiểu máy CPH1801, trị giá 1.794.000 đồng; 01 điện thoại nhãn hiệu Sam Sung Galaxy J7 Prime màu xanh trị giá 3.992.000 đồng; 01 điện thoại nhãn hiệu I Phone 4 thường màu trắng trị giá 700.000 đồng; 01 điện thoại nhãn hiệu I Phone 6 màu vàng gold, trị giá 3.500.000 đồng; 01 máy tính bảng nhãn hiệu Sam Sung Galaxy Tab 3V T116 White màu trắng, trị giá là 800.000 đồng. Tổng tài sản bị cáo chiếm đoạt là 10.786.000 đồng.

Lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với biên bản tự thú đề ngày 27/9/2018, các biên bản ghi lời khai, các biên bản hỏi cung, lời khai của bị hại, bản kết luận điều tra vụ án hình sự số: 02, ngày 26/11/2018 cùng với các chứng cứ khác có được trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xét cáo trạng số: 33/VKS-HS, ngày 28/11/2018 của Viện kiểm sát huyện C truy tố bị cáo về tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3]. Tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi vì tài sản hợp pháp của công dân là quyền bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm tài sản của người khác mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu là vi phạm pháp luật. Bị cáo Nguyễn Văn P là người có đầy đủ năng lực hành vi, có sức khỏe để tham gia lao động tạo ra của cải vật chất để nuôi sống bản thân và giúp ích cho gia đình, nhưng bị cáo không làm được việc này, với động cơ mục đích muốn có tiền để tiêu xài bị cáo đã lén lút thực hiện 04 trộm cắp tài sản của bị hại từ đó đã dẫn bị cáo đến con đường phạm tội.

Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm đã hoàn thành, hậu quả đã xảy ra, hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra sự bất bình trong quần chúng nhân dân, làm cho quần chúng nhân dân không an tâm lao động sản xuất để tạo ra của cải vật chất cho xã hội và trong thời gian gần đây hành vi trộm cắp tài sản xảy ra khá phổ biến, làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo có 02 tiền án về tội trộm cắp tài sản, sau khi chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo không ăn năn hối cải về hành vi sai trái của mình để làm lại cuộc đời mà tiếp tục tái phạm, bị cáo đã thực hiện liên tiếp nhiều vụ trộm cắp tài sản. Đây là tình tiết định khung tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt tù nhất định, cách ly ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4]. Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải hành vi phạm tội của mình, bị cáo tự thú về hành vi phạm tội. Xét thấy đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự sẽ được áp dụng khi quyết định hình phạt.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Tại phiên tòa chị Lâm Thị Mỹ P yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại tài sản số tiền 3.500.000 đồng theo giá trị Hội đồng định giá, bị cáo đồng ý bồi thường. Xét thấy sự thỏa thuận giữa bị hại và bị cáo là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này.

- Đối với các đương sự gồm ông T, anh N, anh Tuấn A và anh Quốc T có đơn yêu cầu xử vắng mặt tại phiên tòa, qua biên bản ghi lời khai các đương sự này đều yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại tài sản theo giá trị Hội đồng định giá, tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại tài sản cho các bị hại. Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường thiệt hại tài sản cho anh Thái Văn Tuấn A 700.000 đồng, ông Nguyễn Văn T 800.000 đồng, anh Nguyễn Quốc T 1.500.000 đồng là đúng quy định pháp luật.

[8]. Về án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn P thuộc diện hộ nghèo có cấp sổ, bị cáo có làm đơn xin miễn nộp án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm và được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn P được miễn nộp án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 53 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 04 (bốn) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 27 tháng 9 năm 2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Các điều 584, 585, 586, 588, 589, khoản 2 điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn P bồi thường thiệt hại tài sản cho bị hại:

- Anh Thái Văn Tuấn A số tiền 700.000 đồng (*bảy trăm nghìn đồng*).
- Bà Lâm Thị Mỹ P số tiền 3.500.000 đồng (*ba triệu năm trăm nghìn đồng*).
- Ông Nguyễn Văn T số tiền 800.000 đồng (*Tám trăm nghìn đồng*).
- Anh Nguyễn Quốc T số tiền 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm cho bên được thi hành khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn P được miễn nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

- Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 06; Điều 07 và Điều 09 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm